PHỤ LỤC

PHÂN BỔ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2024
TỪ NGUỒN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CỦA PHÂN BỔ (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn)

ĐVT: Đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Kinh phí thực hiện hỗ trợ học sinh theo NQ số 34/2022/NQ-HĐND (Chi tiết có phụ biểu 01)	Kinh phí mua sắm (Chi tiết có phụ biểu 02)	Kinh phí thực hiện CCTL năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	**14.312.688.000**	**550.800.000**	**9.061.888.000**	**4.700.000.000**	
I	**Cấp mầm non**	**2.022.958.000**	**-**	**2.022.958.000**	**-**	
1	Trường MN 24/3	140.852.000		140.852.000		
2	Trường MN Bình Trung	101.330.000		101.330.000		
3	Trường MG Bình Nguyên	102.357.000		102.357.000		
4	Trường MN Sao Mai	168.342.000		168.342.000		
5	Trường MN Bình Thạnh	172.110.000		172.110.000		
6	Trường MN Bình Đông	128.987.000		128.987.000		
7	Trường MN 18-3	83.107.000		83.107.000		
8	Trường MN Bình Trị	67.474.000		67.474.000		
9	Trường MG Bình Hải	235.768.000		235.768.000		
10	Trường MN Bình Hòa	59.950.000		59.950.000		
11	Trường MN Bình Tân Phú	59.974.000		59.974.000		
12	Trường MG Bình Châu	59.546.000		59.546.000		
13	Trường MN Bình Thanh	62.004.000		62.004.000		
14	Trường MN Bình Hiệp	90.089.000		90.089.000		
15	Trường MG Bình Long	49.296.000		49.296.000		
16	Trường MN Bình Chương	42.250.000		42.250.000		
17	Trường MN Bình Mỹ	56.043.000		56.043.000		
18	Trường MG Bình Minh	50.672.000		50.672.000		
19	Trường MG Bình An	69.607.000		69.607.000		
20	Trường MN Bình Khương	68.500.000		68.500.000		
21	Trường MN Bình Dương	61.930.000		61.930.000		
22	Trường MN Bình Phước	92.770.000		92.770.000		
II	**Cấp Tiểu học**	**2.878.330.000**	**237.600.000**	**2.640.730.000**	**-**	
1	Trường TH số 1 Thị Trấn Châu Ổ	99.350.000	10.800.000	88.550.000		
2	Trường TH số 2 Thị Trấn Châu Ổ	141.800.000	10.800.000	131.000.000		
3	Trường TH Bình Trung	122.800.000	10.800.000	112.000.000		
4	Trường TH số 1 Bình Nguyên	132.800.000	10.800.000	122.000.000		
5	Trường TH số 2 Bình Nguyên	143.200.000	10.800.000	132.400.000		
6	Trường TH Bình Chánh	142.800.000	10.800.000	132.000.000		
7	Trường TH số 1 Bình Thạnh	131.800.000	10.800.000	121.000.000		
8	Trường TH số 2 Bình Thạnh	135.400.000	10.800.000	124.600.000		
9	Trường TH Bình Đông	88.580.000	10.800.000	77.780.000		
10	Trường TH Bình Thuận	154.800.000	10.800.000	144.000.000		
11	Trường TH Bình Trị	128.800.000	10.800.000	118.000.000		
12	Trường TH số 1 Bình Hải	145.200.000	10.800.000	134.400.000		
13	Trường TH số 2 Bình Hải	155.850.000	10.800.000	145.050.000		
14	Trường TH số 1 Bình Châu	128.800.000	10.800.000	118.000.000		
15	Trường TH số 2 Bình Châu	131.800.000	10.800.000	121.000.000		
16	Trường TH Bình Thanh	113.550.000	10.800.000	102.750.000		
17	Trường TH Bình Hiệp	133.400.000	10.800.000	122.600.000		
18	Trường TH Bình Long	134.850.000	10.800.000	124.050.000		
19	Trường TH Bình Mỹ	130.550.000	10.800.000	119.750.000		

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Kinh phí thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo NQ số 34/2022/NQ-HĐND (Chi tiết có phụ biểu 01)	Kinh phí mua sắm (Chi tiết có phụ biểu 02)	Kinh phí thực hiện CCTL năm 2024	Ghi chú
20	Trường TH số 1 Bình Minh	131.600.000	10.800.000	120.800.000		
21	Trường TH số 2 Bình Minh	121.800.000	10.800.000	111.000.000		
22	Trường TH Bình Dương	128.800.000	10.800.000	118.000.000		
III	**Cấp Trung học cơ sở**	**2.732.500.000**	**313.200.000**	**2.419.300.000**	**-**	
1	Trường THCS Thị Trấn Châu Ổ	116.000.000	10.800.000	105.200.000		
2	Trường THCS Bình Trung	117.800.000	10.800.000	107.000.000		
3	Trường THCS Bình Nguyên	121.800.000	10.800.000	111.000.000		
4	Trường THCS Bình Chánh	115.800.000	10.800.000	105.000.000		
5	Trường THCS Bình Thạnh	115.800.000	10.800.000	105.000.000		
6	Trường THCS Bình Đông	95.800.000	10.800.000	85.000.000		
7	Trường THCS Bình Thuận	99.850.000	10.800.000	89.050.000		
8	Trường THCS Bình Trị	137.600.000	10.800.000	126.800.000		
9	Trường THCS Bình Hải	149.000.000	10.800.000	138.200.000		
10	Trường TH và THCS Bình Hòa	146.600.000	21.600.000	125.000.000		
11	Trường TH và THCS Bình Tân Phú	162.600.000	21.600.000	141.000.000		
12	Trường THCS Bình Châu	86.800.000	10.800.000	76.000.000		
13	Trường THCS Bình Thanh	98.800.000	10.800.000	88.000.000		
14	Trường THCS Bình Hiệp	102.000.000	10.800.000	91.200.000		
15	Trường THCS Bình Long	91.550.000	10.800.000	80.750.000		
16	Trường TH và THCS Bình Chương	122.350.000	21.600.000	100.750.000		
17	Trường THCS Bình Mỹ	98.400.000	10.800.000	87.600.000		
18	Trường THCS Bình Minh	99.800.000	10.800.000	89.000.000		
19	Trường TH và THCS Bình An	123.600.000	21.600.000	102.000.000		
20	Trường TH và THCS Bình Khương	191.600.000	21.600.000	170.000.000		
21	Trường THCS Bình Dương	103.800.000	10.800.000	93.000.000		
22	Trường TH và THCS Bình Phước	127.600.000	21.600.000	106.000.000		
23	Trường THCS Nguyễn Tự Tân	107.550.000	10.800.000	96.750.000		
IV	**Phòng Giáo dục và Đào tạo**	**1.978.900.000**		**1.978.900.000**		
V	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**4.700.000.000**			**4.700.000.000**	